

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-PT
Ngày 15-12-2021
V/v Ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi
ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ái Loan

Các Thẩm phán:

Ông Ngô Đê

Ông Nguyễn Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Chí Tâm, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2021/TLPT-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp chia tài sản”. Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 10/2021/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 100/2021/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Văn P, sinh năm 1975

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1944, địa chỉ: Số 39A, PTB, Phường 4, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Thạch Thị H, sinh năm 1972

Địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Vĩnh B
– Luật sư thuộc Trung tâm tư vấn pháp luật Trà Vinh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Mai Xuân M, sinh năm 1976 (vắng mặt).

2. Chị Phan Thị H, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Người phiên dịch:* Ông Kim Thành L – Công tác tại Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam phường 7, thành phố Trà Vinh.

- *Người kháng cáo:* Chị Thạch Thị H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/9/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phạm Văn P trình bày:

Năm 2015 anh và chị Thạch Thị sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, thời gian chung sống khoảng 3 năm do tính tình không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn vì vậy anh với chị H đã không còn sống chung với nhau từ năm 2017 đến nay. Anh yêu cầu được ly hôn với chị Thạch Thị H; về con chung không có; về tài sản chung: Thời gian chung sống anh và chị H có hùn mua một căn nhà nằm trên diện tích đất 210m² thuộc thửa 120 tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh của anh Mai Xuân M và chị Phan Thị H với giá tiền 300.000.000 đồng, trong đó tiền của anh là 150.000.000 đồng, cụ thể lần đầu anh đưa trực tiếp cho chị H là 50.000.000 đồng, lần 2 anh giao cho chị H là 100.000.000 đồng. Việc mua bán có làm hợp đồng, trong hợp đồng có ghi số tiền đã trả là 250.000.000 đồng trong đó phần chị H là 150.000.000 đồng, phần của anh là 100.000.000 đồng.

Nay anh không yêu cầu định giá lại giá trị nhà và đất, anh thống nhất giá nhà, đất là 300.000.000 đồng, anh đồng ý giao chị H tiếp tục quản lý nhà và đất, anh yêu cầu chị H có trách nhiệm hoàn trả cho anh số tiền mà anh đã hùn bằng 150.000.000 đồng; Về nợ chung: không có.

Tại biên bản ghi lời khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Thạch Thị Hiền trình bày:

Cách đây khoảng 5 năm, chị không nhớ chính xác thời gian chị và anh P có sống chung với nhau như vợ chồng tại ấp P, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh không có đăng ký kết hôn, thời gian sống chung 1 năm thì xảy ra mâu thuẫn nên không còn sống chung nữa; Về con chung không có; Về tài sản chung: chị và anh P có thỏa thuận mua nhà và đất của anh Mai Xuân M và chị Phan Thị H với giá tiền 300.000.000 đồng như anh P trình bày. Việc mua bán hai bên có làm hợp đồng, do chị không biết chữ nên chỉ có anh P ký tên trong hợp đồng, nhưng số tiền từng người góp vào anh P trình bày không đúng, cụ thể lần 1 trước tết năm 2016 đặt cọc 50.000.000 đồng, đây là tiền riêng của cá nhân chị, khi giao tiền cho anh M, chị H có mặt chị và anh P.

Lần 2 sau tết nguyên đán năm 2016 giao 200.000.000 đồng trong đó của chị 150.000.000 đồng, của anh P 50.000.000 đồng, khi giao tiền có mặt anh P, nhưng trong hợp đồng thể hiện đại diện bên B giao tiền là Thạch Thị H giao 150.000.000 đồng, Phạm Văn P giao 100.000.000 đồng.

Số tiền còn lại 50.000.000 đồng thoả thuận sau khi có giấy đỏ mới giao tiền.

Nay giữa chị và anh M, chị H đã làm thủ tục sang tên tách thửa và chị đã đứng tên quyền sử dụng đất, riêng số tiền 50.000.000 đồng quá trình Tòa án giải quyết vụ án chị đã trả cho anh M, chị H.

Chị thống nhất ly hôn và không đồng ý trả lại cho anh P số tiền hùn mua đất 50.000.000 đồng vì trong thời gian chung sống với anh P chị đã lo cho anh P toàn bộ chi phí ăn uống sinh hoạt hàng ngày. Nay chị yêu cầu được tiếp tục sử dụng nhà đất diện tích 210m² thuộc thửa 120 tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Chị không yêu cầu định giá lại giá trị nhà và đất, chị thống nhất giá nhà, đất là 300.000.000 đồng.

Chị Phan Thị H và anh Nguyễn Xuân M trình bày:

Ngày 15/01/2016 âm lịch anh chị có thoả thuận sang bán nhà đất diện tích 210m² thuộc thửa 120 tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh cho anh Phạm Văn P, chị Thạch Thị H với số tiền 300.000.000 đồng, trả tiền làm ba đợt:

Đợt 1: trả tiền cọc 50.000.000 đồng vào ngày 16/01/2016 âm lịch.

Đợt 2: trả 200.000.000 đồng sau hai tháng kể từ ngày đặt cọc.

Đợt 3: trả 50.000.000 đồng sau 10 tháng kể từ ngày nhận tiền cọc.

Trong hai lần giao tiền thì chị H là người trực tiếp giao tiền cho chị có mặt anh P và mỗi lần giao tiền đều có làm biên nhận, có ký tên, do chị H không biết chữ nên anh P đều ký xác nhận vào biên nhận cũng chính là hợp đồng mua bán chuyển nhượng ngày 21/4/2016, giữa chị H, anh P thỏa thuận như thế nào thì anh chị không biết nhưng khi làm hợp đồng thì anh P, chị H có nói chị ghi tên anh P 100.000.000 đồng để anh P có trách nhiệm làm kiếm tiền phụ trả nợ và đóng lãi, nên chị ghi theo yêu cầu của anh P, chị H. Sau đó đến gần thời gian trả tiền đợt 3 do làm ăn thất bại, anh P, chị H thường xuyên cãi nhau nên chị H có đến xin chị làm thủ tục sang nhượng để chị H có thể cầm cố nhà đất trả tiền cho anh chị. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án chị H đã trả đủ số tiền 50.000.000 đồng cho anh chị nên anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản án số 17/2021/HNGĐ-ST ngày 23/4/2021 Tòa án nhân dân huyện T quyết định căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, 36, 39, 147, 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 9, 14, 53, 59 Luật hôn nhân gia đình; Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn P với chị Thạch Thị H.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phạm Văn P và chị Thạch Thị H.

Về con chung không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Chị Thạch Thị H được tiếp tục quản lý sử dụng nhà và đất tại diện tích 210m² thuộc thửa 120 tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Chị Thạch Thị H có trách nhiệm hoàn trả số tiền công sức đóng góp cho anh Phạm Văn P là 100.000.000 đồng.

Án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, nghĩa vụ chịu lãi suất do chậm trả.

Ngày 06/5/2021 chị Thạch Thị H kháng cáo; nội dung chị yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét không buộc chị phải trả cho anh P số tiền 100.000.000 đồng, chị đồng ý trả anh P số tiền 50.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vắng mặt và có ý kiến vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Chị H và anh P tự nguyện chung sống với nhau thời gian chưa đến 1 năm thì chia tay, trong thời gian sống chung giữa hai người có thỏa thuận mua diện tích đất 210m² thuộc thửa 120 tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh của anh Mai Xuân M và chị Phan Thị H với giá tiền 300.000.000 đồng. Do chị H không biết chữ, nhận thức hạn chế nên nói chị Phan Thị H ghi anh P đưa số tiền 100.000.000 đồng, thực chất việc mua nhà đất bằng tài sản của chị H thể hiện chị bán vịt, bán bò, bán vàng để trả cho chị H, anh M. Anh P không có tài sản gì để góp mà chỉ có tiền cầm đất 60.000.000 đồng đưa chị H 50.000.000 đồng hùn mua nhà đất. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị H sửa án sơ thẩm theo hướng buộc chị H trả cho anh P số tiền 50.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự và những người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 21/4/2016 giữa anh Mai Xuân M và chị Phan Thị H với anh Phạm Văn P chị Thạch Thị H thể hiện số tiền giao dịch của chị H là 150.000.000 đồng, anh P 100.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm chị H và chị Phan Thị H thừa nhận khi

làm hợp đồng chị H nói chị Phan Thị H ghi số tiền của anh P là 100.000.000 đồng để anh P có trách nhiệm cùng trả nợ với chị, việc này do chị tự nguyện không ai ép buộc và tại phiên tòa phúc thẩm chị H cũng không cung cấp được chứng cứ gì mới. Như vậy có cơ sở khẳng định anh P có góp số tiền 100.000.000 đồng cùng với chị H mua căn nhà nằm trên diện tích đất 210m² thuộc thửa 120 tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Từ các căn cứ trên, kháng cáo của chị H là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm số 17/2021/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thời hạn kháng cáo: Xét đơn kháng cáo của bà Thạch Thị H còn trong thời hạn luật định. Nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét giải quyết yêu cầu kháng cáo của bà H theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo: Bà Thạch Thị H kháng cáo không đồng ý trả cho anh P 100.000.000 đồng, chỉ đồng ý trả 50.000.000 đồng.

[3] Xét thấy: trong thời gian chung sống, chị H và anh P có góp tiền mua nhà đất diện tích 210m² thuộc thửa 120 tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh trị giá 300.000.000 đồng của anh Mai Xuân M và chị Phan Thị H. Đã làm thủ tục chuyển nhượng và chị H đang đứng tên quyền sử dụng đất. Tiền chuyển nhượng đất chị H cho rằng chị góp 250.000.000 đồng, anh P góp 50.000.000 đồng. Cụ thể lần đầu giao 50.000.000 đồng tiền của chị; Lần 2 sau tết nguyên đán năm 2016 giao 200.000.000 đồng trong đó của chị 150.000.000 đồng, của anh P 50.000.000 đồng; trong quá trình giải quyết vụ án chị H đã trả cho anh M, chị H hết số tiền 50.000.000 đồng còn lại.

Tuy nhiên theo Hợp đồng mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 21/4/2016 ghi đại diện bên B giao tiền bà Thạch Thị H giao 150.000.000 đồng, ông Phạm Văn P giao 100.000.000 đồng. Chị H thừa nhận hợp đồng chuyển nhượng này và cũng thừa nhận chính chị nói chị Phan Thị H ghi anh P 100.000.000 đồng. Chị Phan Thị H cũng có lời khai xác nhận khi lập hợp đồng, chị H và anh P trao đổi gì chị không rõ nhưng chị H có nói chị Phan Thị H ghi tên anh P 100.000.000 đồng để anh P có trách nhiệm làm kiểm tiền phụ trả nợ và đóng lãi. Tại phiên tòa chị H cũng không cung cấp được chứng cứ gì mới chứng minh việc anh P góp 50.000.000 đồng tiền mua đất.

[4] Do đó, Tòa án nhân dân huyện T đã xác định nhà đất diện tích 210m² thuộc thửa 120 tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh trị giá 300.000.000 đồng là tài sản có được trong thời gian chung sống như vợ chồng của

anh Phạm Văn P và chị Thạch Thị H và chia tài sản trên là phù hợp theo quy định của pháp luật. Xét thấy kháng cáo của chị H là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét thấy ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự: “Đương sự kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm, nếu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo”. Do Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo bà Thạch Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 219 Bộ luật dân sự; Điều 16 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Thạch Thị H.

Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 17/2021/HNGĐ-ST ngày 23/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện T.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn P với chị Thạch Thị H.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phạm Văn P và chị Thạch Thị H.

Về con chung không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Chị Thạch Thị H được tiếp tục quản lý sử dụng nhà và đất tại diện tích 210m² thuộc thửa 120 tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Chị Thạch Thị H có trách nhiệm hoàn trả số tiền công sức đóng góp cho anh Phạm Văn P là 100.000.000 đồng.

Về án phí phúc thẩm: Bà Thạch Thị H phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002483 ngày 10 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T; bà Thạch Thị H đã nộp đủ án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ái Loan